TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/DS-ST;

Ngày: 20/03/2025;

V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung;

2. Bà Huỳnh Thị Bích Vân;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ka Phu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 375/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐST - DS ngày 11 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

***Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Mỹ H1, tên gọi khác: Nguyễn Thị L (Lăn); sinh năm 1987; địa chỉ: Số C, khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1983; Địa chỉ: khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Ông Huỳnh Văn L1, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số C, khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/01/2025 trong quá trình tố tụng, ông Huỳnh Văn C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Do có quen biết nên bà Nguyễn Thị Mỹ H1 (Nguyễn Thị L2 (Lăng)) có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ hụi gồm:

Dây hụi khui ngày 16/10/2019 (âl), loại hụi 5.000.000 đồng, gồm 21 phần đến ngày 16/7/2021 (âl) là mãn, bà H1 tham gia chơi 02 phần. Bà H1 hốt kỳ hụi thứ nhất ngày 16/10/2019 được số tiền 80.000.000 đồng, trừ thảo 2.500.000 đồng, bà H1 thực nhận 77.500.000 đồng có lập biên nhận giao hụi. Sau đó, bà H1 có đóng lại 04 lần hụi chết vào các ngày (16/11/2019; 16/12/2019; 16/01/2020 và 16/02/2020), từ tháng 03/2020 thì ngưng không đóng lại hụi chết. Bà H phải tự bỏ tiền cá nhân để chèn phần hụi chết mà bà H1 phải có nghĩa vụ đóng lại cho các hụi viên khác với tổng số tiền là 80.000.000 đồng (tương đương với 16 phần còn lại, mỗi tháng 5.000.000 đồng, đóng đến ngày mãn hụi là ngày 16/6/2021). Vì vậy, phần hụi thứ nhất này bà H1 còn thiếu lại bà H 80.000.000 đồng. Đối với phần hụi thứ hai, bà H1 đóng hụi sống được 04 tháng (ngày 16/10/2019; 16/11/2019; 16/12/2019 và 16/01/2020) với tổng số tiền là 16.000.000 đồng. Đến ngày 16/02/2020, bà H1 hốt hụi được tổng số tiền 84.000.000 đồng, trừ thảo 2.500.000 đồng, bà H1 thực nhận 81.500.000 đồng. Đến qua tháng 3/2020, thì bà H1 không đóng lại hụi chết. Vì vậy, phần hụi thứ hai này bà H1 còn thiếu lại bà H 80.000.000 đồng. Tổng dây hụi được khui ngày 16/10/2019 mãn vào ngày 16/6/2021 mà bà H1 còn thiếu tiền của bà H là 160.000.000 đồng.

Dây hụi khui ngày 16/8/2021 (âl), loại hụi 5.000.000 đồng, gồm 21 phần đến ngày 16/4/2023 (âl) là mãn, bà H1 tham gia chơi 01 phần. Bà H1 hốt kỳ hụi thứ nhất ngày 16/8/2021 được số tiền 80.000.000 đồng, trừ thảo 2.500.000 đồng, bà H1 thực nhận 77.500.000 đồng có lập biên nhận giao hụi. Sau đó, bà có đóng lại 01 lần chết vào các ngày (16/9/2021), từ tháng 10/2021 thì ngưng không đóng lại hụi chết. Vì vậy, dây hụi này bà H1 còn thiếu lại bà H số tiền là 95.000.000 đồng.

Dây hụi khui ngày 16/04/2021, dây hụi 21 phần, chơi 01 phần. Bà H1 tham gia và hốt đầu vào ngày 16/4/2021, khi hốt bà H giao cho bà H1 77.500.000đ, bà H1 phải đóng lại 20 lần nhưng bà H1 đóng được 4 lần. Dây hụi này mãn vào ngày 16/12/2023, dây hụi này bà H1 còn thiếu tiền hụi chết là 16 lần * 5.000.000đ = 80.000.000đ.

Do bà H đã nhiều lần yêu cầu bà H1 để trả lại số tiền hụi nhưng bà H1 hứa lần, hứa lượt không trả. Đồng thời, bà H1 tham gia các dây hụi và hốt hụi về để phát triển kinh tế gia đình cùng với chồng là ông Huỳnh Văn L1 điều biết.

Vì vậy, nay bà H làm đơn này kính gửi Tòa án nhân dân huyện Ba Tri giải quyết buộc: Bà Nguyễn Thị Mỹ H1 cùng ông Huỳnh Văn L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H tổng số tiền hụi còn thiếu là 335.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng). Bà H không yêu cầu tính lãi.

Qua hòa giải bà H1 đưa ra được giấy tờ chứng minh dây hụi khui ngày 16/10/2019 (âl) bà đã đóng mãn cho bà H không còn nợ nên nguyên đơn xin rút lại yêu cầu đối với dây hụi này với số tiền là 160.000.000đ.

Như vậy, bà H1 còn thiếu 02 dây hụi ngày 16/8/2021 (âl) là 95.000.000đ, và dây hụi 16/4/202 1 (âl) 80.000.000đ, tổng cộng số tiền thiếu của 02 dây hụi là 175.000.000đ nên bà H yêu cầu bà H1 và ông L1 liên đới trả là 175.000.000đ cho bà H, không yêu cầu trả lãi.

*** Trong quá trình hòa giải tại Tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H1 trình bày:**

Bà có tên ngoài gọi là L, bà có quen bà H và biết bà H có làm chủ hụi ở địa phương nên bà có tham gia chơi với bà H 3 dây hụi gồm:

Dây hụi khui ngày 16/10/2019 (âl), loại hụi 5.000.000 đồng, gồm 21 phần đến ngày 16/7/2021 (âl) là mãn, bà tham gia chơi 02 phần, bà hốt hụi hết 02 phần và đóng lại hụi chết cho 02 phần, bà đã đóng đầy đủ, không còn nợ số tiền nào của dây hụi này, khi đóng hụi bà H có ghi lại tiền hụi đóng hàng tháng đến mãng hụi, bà H đã ghi chữ mãng hụi của dây này vào sổ của bà, nay bà H khởi kiện cho rằng bà còn thiếu hụi 01 dây hụi này với số tiền 160.000.000đ là bà không đồng ý.

Dây hụi khui ngày 16/8/2021 (âl), loại hụi 5.000.000 đồng, gồm 21 phần đến ngày 16/4/2023 (âl) là mãn, bà tham gia 01 phần, đã hốt hụi và đóng lại hụi chết nhưng chỉ đóng được 01 lần thì bà không có khả năng đóng nửa nên ngưng đóng đến nay, hiện còn nợ lại 19 lần x 5.000.000đồng 95.000.000đồng theo yêu cầu của bà H là đúng.

Dây hụi khui ngày 16/04/2021, dây hụi 21 phần, chơi 01 phần, bà tham gia 01 phần, đã hốt hụi, đóng hụi chết là 20 lần nhưng đóng được 4 lần còn nợ lại lại 16 lần x 5.000.000đồng = 80.000.000đồng.

Qua 02 dây hụi ngày 16/8/2021 (âl) và ngày 16/04/2021 thì bà còn thiếu bà H số tiền là 175.000.000đ. Tiền hốt hụi có được bà sử dụng vào việc kinh doanh làm ăn ghe tàu đánh bắt thủy hải sản của gia đình. Số tiền nợ hụi bà H thì chồng bà ông L1 cũng biết và ông L1 cũng đồng ý cùng bà trả nợ cho bà H nhưng ông L1 bận công việc làm ăn nên không đến Tòa án tham gia giải quyết được.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ hụi là 175.000.000đ. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đến ngày tòa án xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Văn C và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Trọng Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn L1 vắng mặt phiên tòa lần 02. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ hụi là 175.000.000đ.

[2.1] Trong quá trình hòa giải người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông C và bị đơn bà H cùng thống nhất về số dây hụi đã khui mở, về số tiền hụi mà bị đơn đã hốt của 03 dây hụi, về số tiền nợ hụi chết của bị đơn với nguyên đơn, tổng cộng số tiền tính theo nợ hụi của bà H1 còn nợ bà H là 175.000.000đ. Do bị đơn không thực hiện trả tiền hụi theo nguyên tắc chơi hụi nên bị đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hụi, phía bị đơn thừa nhận nên nguyên đơn không phải chứng minh, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với điều 471 Bộ luật Dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về trách nhiệm liên đới: Bà H1 thừa nhận việc bà chơi hụi để lấy tiền lo cho công việc gia đình, hiện nay vợ chồng bà vẫn chung sống và làm ăn chung. Theo kết quả xác minh của Tòa án được đại diện chính quyền địa phương thị trấn T cho biết bà H1 và ông L1 là vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T vào năm 2005, ông bà vẫn còn sống chung và làm ăn kinh tế chung. Bà H1 thừa nhận sử dụng tiền hốt hụi từ bà H để chi tiêu sinh hoạt gia đình và lo công việc làm ăn của vợ chồng bà, bà H1 cho rằng mặc dù ông L1 không đến Tòa giải quyết nhưng ông L1 cũng đồng ý cùng bà liên đới trả nợ cho bà H. Phía ông L1 vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng và cũng không có văn bản hay ý kiến phản đối đây là nợ riêng của bà H1 nên đây là nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông L1 và bà H1 nên ông L1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà H1 trả nợ cho bà H theo Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình. Nên yêu cầu của bà H yêu

cầu ông L1 có trách nhiệm liên đới với bà H1 trả cho bà số tiền 175.000.000đ là có căn cứ được HĐXX chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí DS – ST có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí 5%, cụ thể bị đơn nộp là 175.000.000đ x 5% = 8.750.000đ theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị định số 19/2019/NĐ –CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H1 (Nguyễn Thị L (Lăn)) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền hụi 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết đối với số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) do nguyên đơn rút lại yêu cầu.

3. Về án phí DS – ST có giá ngạch 5%: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn L1 có nghĩa vụ liên đới nộp án phí số tiền là 8.750.000đ (Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.875.000đ (Tám triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004695 ngày 14/10/2024 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007268 ngày 24/01/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- UBND thị trấn Tiệm Tôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Mộng Tuyền